

 làm ơn	 Cảm ơn	Gracias Cảm ơn bạn đã giúp đỡ tôi. Gracias por tu ayuda. Lección 6 · Peticiones corteses	Por favor Làm ơn mở cửa giúp tôi. Por favor, abre la puerta. Lección 6 · Peticiones corteses
 Không có chi	 Xin lỗi	Disculpe Xin lỗi, tôi cần giúp đỡ. Disculpe, necesito ayuda. Lección 6 · Peticiones corteses	De nada Không có chi. De nada. Lección 6 · Peticiones corteses
 xin lỗi	 Bạn có thể giúp tôi không?	¿Podrías ayudarme? Bạn có thể giúp tôi không? ¿Podrías ayudarme? Lección 6 · Peticiones corteses	Lo siento. Tôi xin lỗi. Lo siento. Lección 6 · Peticiones corteses
 Bạn có thể nhắc lại ... không?	 Bạn có thể nói chậm hơn được không?	¿Podría hablar más despacio? Bạn có thể nói chậm hơn được không? ¿Podría hablar más despacio? Lección 6 · Peticiones corteses	¿Podrías repetir, por favor? Bạn có thể nhắc lại câu đó không? ¿Podrías repetir eso, por favor? Lección 6 · Peticiones corteses

 Cho tôi ... được không	 tôi muốn	Me gustaría Tôi muốn thêm một chút trà. Me gustaría un poco más de té. Lección 6 · Peticiones corteses	¿Me podría dar ..., por favor? Cho tôi nước được không? ¿Me podría dar agua, por favor? Lección 6 · Peticiones corteses
 Cho tôi ...	 Tôi ... có được không	¿Está bien si...? Tôi ngồi có được không? ¿Está bien si me siento? Lección 6 · Peticiones corteses	¿Puedo...? Cho tôi xin một chút nước được không? ¿Puedo tener un poco de agua? Lección 6 · Peticiones corteses
 Tôi không hiểu	 Bạn có thể nhắc lại không?	¿Puedes repetir eso, por favor? Bạn có thể nhắc lại không? ¿Puedes repetir eso, por favor? Lección 8 · Entender y aclarar	No entiendo. Tôi không hiểu. No entiendo. Lección 8 · Entender y aclarar
 Chậm hơn một chút ạ	 Điều đó có nghĩa là gì?	¿Qué significa eso? Điều đó có nghĩa là gì? ¿Qué significa eso? Lección 8 · Entender y aclarar	Más despacio, por favor. Chậm hơn một chút ạ. Más despacio, por favor. Lección 8 · Entender y aclarar

 Nói cái đó bằng ... như thế nào?	 Đánh vần ... như thế nào?	¿Cómo se deletrea eso? Bạn đánh vần từ đó như thế nào? ¿Cómo se deletrea eso? Lección 8 · Entender y aclarar	¿Cómo se dice eso en...? Nói cái đó bằng tiếng Tây Ban Nha như thế nào? ¿Cómo se dice eso en español? Lección 8 · Entender y aclarar
 Bạn có thể viết ... ra được không?	 Bạn có thể cho tôi xem ... không?	¿Me puedes enseñar? Bạn có thể cho tôi xem bức ảnh đó không? ¿Me puedes enseñar la foto? Lección 8 · Entender y aclarar	¿Puedes anotarlo? Bạn có thể viết nó ra được không? ¿Puedes anotarlo, por favor? Lección 8 · Entender y aclarar
 Bạn có nói ... không?	 Chờ một chút ạ	Un momento, por favor Chờ một chút ạ. Un momento, por favor. Lección 8 · Entender y aclarar	¿Hablas...? Bạn có nói tiếng Anh không? ¿Hablas inglés? Lección 8 · Entender y aclarar
 Tôi nghĩ vậy	 Tôi không biết	No sé Tôi không biết. No sé. Lección 8 · Entender y aclarar	Creo que sí Tôi cũng nghĩ vậy. Yo también creo que sí. Lección 8 · Entender y aclarar